| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẮK**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST<br>Ngày 06 - 6 - 2022<br>V/v "Không công nhận chị N với anh L là vợ chồng" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Văn Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà H Loan Uông; Bà Lê Thị Hoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị H N Kbuôr, sinh năm 1980; Địa chỉ: Buôn D, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Y L Du, sinh năm 1978; Địa chỉ: Buôn L, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2022, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H N Kbuôr trình bày:*

Chị H N Kbuôr và anh Y L Du qua quá trình tìm hiểu đã đến với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục, anh chị sống chung cùng nhau tại buôn D, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Quãng thời gian sống chung cuộc

sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đặc biệt, từ khoảng năm 2005 đến nay, hai bên thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích, cãi vã, xung đột. Nguyên nhân một phần do tính tình không hòa hợp, anh Y L không chịu khó chăm lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu say xỉn rồi có hành vi đánh đập, chửi bới, bạo lực gia đình với chị H N. Anh chị sống ly thân từ năm 2005 đến nay, hai bên bỏ mặc không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Từ đó đến nay, mỗi người sinh sống một nơi, anh Y L cư trú tại buôn L còn chị H N cư trú tại buôn D.

Hiện nay chị H N thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Y L Du.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng chị H N, anh Y L có với nhau 03 cháu là Y D Kbuôr, sinh ngày 07/12/1997; Y $D_1$ Kbuôr, sinh ngày 26/10/1998 và H $L_1$ Kbuôr, sinh ngày 29/9/2000. Nay cả 03 cháu đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị H N, anh Y L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Y L Du trình bày:*

Anh Y L thống nhất với chị H N về quan hệ hôn nhân và tình trạng vợ chồng như chị H N trình bày. Anh và chị H N qua thời gian tìm hiểu đã đi đến sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục, vợ chồng sống chung cùng nhau tại buôn Dơng Kriêng, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Từ khi sống chung đến nay cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, xích mích kéo dài cả mười mấy năm trời. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2005 đến nay, hai bên bỏ mặc không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Nay chị H N có nguyện vọng không công nhận là vợ chồng thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh Y L, chị H N có 03 con chung là Y D, sinh ngày 07/12/1997; Y $D_1$ Kbuôr, sinh ngày 26/10/1998 và H $L_1$ Kbuôr, sinh ngày 29/9/2000. Nay cả 03 cháu đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, anh Y L đề nghị được xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe nên không thể có mặt tại phiên tòa.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản buôn D, thị trấn S, huyện L nơi chị H N Kbuôr và anh Y L Du đã từng chung sống thì tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là có thật theo như nội dung mà anh, chị trình bày. Quá trình sống chung hai bên thường xuyên xảy ra cãi vả, xích mích, xung đột. Hai anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi hơn 10 năm nay, hai bên bỏ mặc không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Lắk thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về quan hệ pháp luật: *"Không công nhận là vợ chồng"* giữa nguyên đơn chị H N Kbuôr với bị đơn anh Y L Du là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, có mặt tại tất cả các buổi làm bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H N Kbuôr:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị H N Kbuôr và anh Y L Du.

- Về con chung: Các con của chị H N và anh Y L đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H N Kbuôr được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H N Kbuôr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận là vợ chồng với anh Y L

Du, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn Lê, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Y L Du có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Chị H N Kbuôr và anh Y L Du xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Qua quá trình sống chung giữa hai anh, chị không có hạnh phúc và đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích, xung đột không thể hàn gắn. Anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2005 đến nay. Hai bên bỏ mặc không thương yêu, quan tâm, giúp đỡ nhau đúng như tình nghĩa vợ chồng. Do chị H N và anh Y L không đăng ký kết hôn, căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H N K Buôr anh Y L Du.

[4] Về con chung: Chị H N Kbuôr và anh Y L Du có 03 con chung là Y D Kbuôr, sinh ngày 07/12/1997; Y $D_1$ Kbuôr, sinh ngày 26/10/1998 và H $L_1$ Kbuôr, sinh ngày 29/9/2000. Nay cả 03 cháu đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H N Kbuôr là hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn nên được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị H N Kbuôr và anh Y L Du.

2. Về con chung: Các con của chị H N và anh Y L đã trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị H N Kbuôr được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận :***
- Đương sự;
- VKSND huyện Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Lắk;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

(Đã ký)

**Bùi Văn Hưng**